

**PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP KHÔNG CHUYÊN BIỆT TỪ NĂM HỌC 2024-2025**

*(Kèm theo Tờ trình số #sovb/TTr-SGDĐT ngày #nbh/10/2023
của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam)*

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;
- Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT);
- Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế thi tốt nghiệp THPT;
- Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 27/4/2021;
- Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24/3/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 09/5/2023;
- Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Ưu điểm của phương thức xét tuyển theo phân tuyển đến trường THCS được thực hiện trong thời gian qua
 - a) Đánh giá được quá trình rèn luyện và học tập của học sinh trong 04 năm học ở THCS do điểm xét tuyển là tổng điểm kết quả rèn luyện, học tập của học sinh

trong năm học lớp 6, lớp 7, lớp 8 và lớp 9.

b) Giảm áp lực trong học hành và thi cử cho học sinh, tiết kiệm kinh phí tổ chức thi.

c) Chất lượng giáo dục giữa các trường THPT công lập trong cùng địa phương (cấp huyện) được đồng đều do học sinh không được lựa chọn trường học theo nguyện vọng, học sinh được phân tuyến vào một trường THPT theo quy định của địa phương.

d) Học sinh được phân tuyến vào học trường THPT công lập trên địa bàn gần nhà, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại.

2. Bên cạnh những ưu điểm được nêu ở trên, trong hơn 10 năm qua (từ năm học 2012-2013 đến nay), việc tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên biệt chỉ bằng phương thức xét tuyển đã bộc lộ nhiều hạn chế và tạo ra những hệ lụy không tích cực như sau:

a) Trước năm học 2017-2018, tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 10 THPT là 95% học sinh tốt nghiệp THCS đối với vùng đồng bằng, 100% học sinh tốt nghiệp THCS đối với miền núi thì việc tuyển sinh bằng phương thức xét tuyển là hoàn toàn hợp lý bởi vì hầu như toàn bộ học sinh tốt nghiệp THCS được tuyển sinh vào lớp 10 công lập nên không cần phải tổ chức kỳ thi.

Từ năm học 2017-2018, thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trong đó có nội dung “đến năm 2020 có ít nhất 20% học sinh tốt nghiệp THCS vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp”. Theo đó, tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021 được giảm dần tỷ lệ (đồng bằng là 80% học sinh tốt nghiệp THCS, miền núi là 85%) và từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024 có tỷ lệ chung cho toàn tỉnh là 80%.

Với tỷ lệ tuyển sinh như vậy, nếu tiếp tục áp dụng phương thức xét tuyển, chỉ sử dụng kết quả học tập và rèn luyện của 04 năm học THCS của học sinh làm kết quả tuyển sinh là không công bằng đối với học sinh giữa các trường THCS với nhau.

b) Vì xét tuyển dựa trên kết quả xét học bạ của 04 năm học cấp THCS nên mức độ tin cậy đối với kết quả đánh giá, xếp loại học sinh không cao do không tránh khỏi việc giáo viên, nhà trường luôn mong muốn cho học sinh của mình có kết quả cao để được vào học lớp 10 THPT công lập. Từ đó làm cho học sinh thiếu động lực học tập; không đảm bảo được sự khách quan, công bằng trong đánh giá, xếp loại học sinh trong nhà trường và giữa các trường với nhau trên địa bàn tỉnh.

Vào đầu mỗi năm học, nhiều trường THPT tổ chức khảo sát chất lượng học sinh mới vào học lớp 10 (đề khảo sát theo chương trình lớp 9) để có kế hoạch, giải pháp tổ chức dạy học phù hợp. Kết quả khảo sát chất lượng học sinh lớp 10 đầu năm học 2023-2024 so với kết quả học tập năm học lớp 9 của một số trường THPT trên địa bàn tỉnh được trình bày trong phụ lục đính kèm. Bảng số liệu điểm cho thấy, tất cả các trường đều có tỷ lệ điểm khá (6,5 điểm) trở lên của môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh ở năm lớp 9 cao hơn rất đáng kể so với điểm khảo sát, trong khi tỷ lệ điểm dưới trung bình (5,0 điểm) ở năm lớp 9 thì ít hơn rất nhiều so với điểm khảo sát.

c) Đối với phương thức tuyển sinh như hiện nay, mỗi học sinh chỉ có 01 cơ hội duy nhất vào học lớp 10 THPT công lập. Những học sinh có kết quả học tập tốt nếu không trúng tuyển vào trường theo phân tuyến tuyển sinh thì không còn cơ hội nào để vào học lớp 10 THPT công lập trong khi điểm xét tuyển có thể đủ để trúng tuyển vào những trường khác. Vì vậy, trước khi tổ chức xét tuyển vào lớp 10, nhiều học sinh đã xin chuyển trường theo địa bàn phân tuyến để có cơ hội trúng tuyển cao hơn. Việc chuyển trường này gây khó khăn cho học sinh trong đi lại, học tập cũng như dễ xảy ra tình trạng chuyển nơi cư trú không hợp lệ.

d) Bên cạnh đó, xét tuyển theo phân tuyến bên cạnh việc học sinh chỉ được đăng ký xét tuyển vào 01 trường THPT công lập duy nhất đã tạo nên sự mất cân đối về số lượng học sinh đăng ký xét tuyển vào lớp 10 giữa các trường THPT công lập. Nhiều trường phải thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển với số lượng lớn, vượt quá khả năng tổ chức dạy học do cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên không đáp ứng với số lượng học sinh nhập học. Mặt khác, có nhiều trường do số học sinh được phân tuyến vào trường thấp nên xảy ra tình trạng thừa giáo viên, thừa phòng học, gây lãng phí các nguồn lực của nhà trường.

đ) Hiện nay, hầu hết trong 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh) đều chọn phương thức tuyển sinh là thi tuyển, chỉ có 08 tỉnh chọn phương thức xét tuyển và 11 tỉnh chọn phương thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển, cụ thể như sau:

- Xét tuyển: 08 tỉnh (Quảng Nam, Cà Mau, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Gia Lai và Lâm Đồng);

- Kết hợp thi tuyển với xét tuyển: 11 tỉnh (An Giang, Bình Định, Khánh Hòa, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Tây Ninh, Thừa Thiên-Huế, Trà Vinh).

- Thi tuyển: 44 tỉnh (các tỉnh còn lại).

e) Kết quả khảo sát, lấy ý kiến góp ý:

- Trong năm 2020, Sở GDĐT có Tờ trình số 212/TTrT-SGDĐT ngày 31/12/2020 gửi UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch và phương thức tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT và trường chuyên biệt năm học 2021-2022. Trong đó, Sở có đề xuất UBND tỉnh xem xét thay đổi phương thức tuyển sinh từ xét tuyển sang kết hợp thi tuyển với xét tuyển. Trước khi đề xuất, Sở GDĐT đã tổ chức điều tra, khảo sát đối với phụ huynh học sinh cấp THCS về phương thức tuyển sinh. Theo đó, có 60% phụ huynh học sinh lựa chọn phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển và 40% lựa chọn phương thức thi tuyển.

- Ngày 30/8/2023, Sở GDĐT ban hành Công văn số 1982/SGDĐT-QLCLGDTX gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố và các trường THPT trên địa bàn tỉnh để lấy ý kiến góp ý dự thảo Phương án tổ chức thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên biệt từ năm học 2024-2025 do Sở GDĐT xây dựng. Ngoài ra, tại Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý chất lượng năm học 2023-2024 được tổ chức vào ngày 27/9/2023, Sở GDĐT tiếp tục lấy ý kiến góp ý từ Hiệu trưởng các trường THPT và Trưởng các phòng GDĐT của 18 huyện, thị xã, thành phố và

tiếp thu, giải trình các góp ý, đề xuất của các cơ quan, đơn vị. Theo đó, có tổng cộng 51 cơ quan, đơn vị (18 UBND huyện, thị xã, thành phố và 33 trường THPT) có ý kiến góp ý bằng văn bản và 09 ý kiến phát biểu trực tiếp tại Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý chất lượng năm học 2023-2024. Có 100% cơ quan, đơn vị, cá nhân thống nhất thay đổi phương thức tuyển sinh vào lớp 10 từ xét tuyển như hiện nay sang thi tuyển. Bên cạnh đó, một số cơ quan, đơn vị đề xuất bổ sung lấy kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong 04 năm học ở THCS để tính vào điểm xét trúng tuyển cùng với điểm của các môn thi.

Từ những phân tích trên, việc tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên biệt theo phương thức thi tuyển kết hợp với đánh giá kết quả rèn luyện, học tập trong 04 năm học ở cấp THCS của học sinh kể từ kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 thay cho phương thức xét tuyển như hiện nay là hết sức cần thiết.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Đối tượng tuyển sinh

Người học đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, có độ tuổi theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trong trường hợp học sinh tốt nghiệp THCS tại các cơ sở giáo dục ngoài tỉnh Quảng Nam có nguyện vọng tham gia dự tuyển, nếu có lý do chính đáng thì Giám đốc Sở GDĐT xem xét quyết định.

2. Phương thức tuyển sinh

Thi tuyển (theo phân tuyến), kết hợp với đánh giá kết quả rèn luyện và học tập trong 04 năm học ở cấp THCS của học sinh.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Trên cơ sở quy mô trường lớp, đội ngũ viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác phục vụ dạy học theo quy định và cân đối với tỷ lệ tuyển sinh chung của địa phương (cấp huyện); Sở GDĐT phân bổ chỉ tiêu cho từng trường THPT công lập, đảm bảo mục tiêu về phân luồng đến năm 2025 theo Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập toàn tỉnh được thực hiện theo lộ trình như sau:

- Năm học 2024-2025: Tuyển không quá 75% số học sinh tốt nghiệp THCS;
- Năm học 2025-2026: Tuyển không quá 70% số học sinh tốt nghiệp THCS;
- Từ năm học 2026-2027: Chỉ tiêu được xác định trên cơ sở văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.

Tỷ lệ trên được tính sau khi đã trừ đi số học sinh trúng tuyển vào các trường THPT chuyên biệt trên địa bàn tỉnh và bao gồm cả học sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng, học sinh tốt nghiệp THCS của trường tư thục trên địa bàn tỉnh có nguyện vọng vào học THPT công lập.

Đối với các trường THPT có tính chất đặc thù, trên cơ sở đề nghị của các địa phương và các trường về chỉ tiêu tuyển sinh; Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

4. Điều kiện, hồ sơ dự tuyển

a) Điều kiện dự tuyển:

- Thuộc đối tượng tuyển sinh;
- Có đủ hồ sơ dự tuyển hợp lệ, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kỷ luật cấm tham gia dự tuyển.

b) Hồ sơ dự tuyển:

- Đơn đăng ký dự tuyển;
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Bằng tốt nghiệp THCS (bản sao có công chứng) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (bản chính);
- Học bạ cấp THCS (bản sao có công chứng);
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);
- Giấy xác nhận không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (đối với học sinh đã tốt nghiệp THCS trước năm học 2023-2024).

5. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

a) Tuyển thẳng:

Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT của Bộ GDĐT.

b) Chế độ ưu tiên:

Thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT của Bộ GDĐT. Theo đó:

- Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng thuộc nhóm đối tượng 1;
- Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng thuộc nhóm đối tượng 2;
- Cộng 0,5 điểm cho một trong các đối tượng thuộc nhóm đối tượng 3.

Học sinh có nhiều chế độ ưu tiên thì chỉ được hưởng một mức ưu tiên có điểm cộng cao nhất.

6. Đăng ký dự tuyển

a) Phân tuyến tuyển sinh:

Sở GDĐT tham mưu quy định cụ thể về phân tuyến tuyển sinh trong kế hoạch tuyển sinh hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt; đảm bảo sự cân bằng về thí sinh giữa các trường và phù hợp với nguyện vọng của cha mẹ học sinh.

b) Đăng ký nguyện vọng:

Mỗi học sinh được đăng ký tối đa 02 nguyện vọng dự tuyển vào 02 trường THPT khác nhau, trong đó:

- Nguyên vọng 1 (NV1, bắt buộc): học sinh đăng ký dự tuyển vào một trường THPT theo quy định về phân tuyển.

- Nguyên vọng 2 (NV2, không bắt buộc) có hai cách thức đăng ký như sau:

+ Sau khi có kết quả tuyển sinh, học sinh không trúng tuyển được đăng ký dự tuyển vào một trường THPT bất kỳ trên địa bàn tỉnh còn chỉ tiêu. Học sinh đã trúng tuyển NV1 thì không được đăng ký NV2.

+ NV2 được đăng ký đồng thời với NV1, xếp theo thứ tự ưu tiên NV1, NV2. Học sinh đã trúng tuyển NV1 thì không được xét NV2. Học sinh không trúng tuyển NV1 được xét NV2 đồng thời cùng với xét NV1 của học sinh đăng ký cùng trường, nhưng phải có điểm xét tuyển cao hơn điểm chuẩn trúng tuyển NV1 của trường.

Nhằm đảm bảo cân bằng về thí sinh đăng ký dự tuyển giữa các trường và phù hợp với nguyện vọng của cha mẹ học sinh, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất một trong hai cách thức đăng ký NV2 như trên trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong quá trình đăng ký NV1, NV2, Sở GDĐT thường xuyên cập nhật, công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở số lượng hồ sơ đăng ký của mỗi trường THPT để học sinh được biết và trước 10 ngày tổ chức thi, cho phép học sinh điều chỉnh nguyện vọng để đăng ký vào trường THPT theo phân tuyển, phù hợp với học sinh.

7. Lịch thi, môn thi, đề thi, điểm bài thi, hệ số điểm bài thi

Tất cả học sinh tốt nghiệp THCS, đúng đối tượng, nếu có nguyện vọng học lớp 10 công lập đều phải tham dự Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập (học sinh được tuyển vào lớp 9 của các trường PTDTNT huyện được tuyển sinh vào lớp 10 theo quy định riêng). Đối với học sinh có nguyện vọng vào học lớp 10 trường THPT chuyên, PTDTNT tỉnh thì thực hiện theo quy định tuyển sinh vào trường THPT chuyên, PTDTNT tỉnh.

a) Lịch thi: Dự kiến nửa đầu tháng 6 hằng năm (ngày thi cụ thể do Sở GDĐT quy định, đảm bảo thời gian phù hợp với Kỳ thi tốt nghiệp THPT).

b) Môn thi: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.

c) Đề thi: Nội dung thi, hình thức thi, thời gian làm bài thực hiện theo văn bản của Sở GDĐT về nội dung chương trình, cấu trúc đề thi tuyển sinh lớp 10.

d) Điểm bài thi: Là tổng điểm thành phần của từng câu trong đề thi, được chấm theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

đ) Hệ số điểm bài thi: Hệ số 1.

8. Công tác đề thi

a) Yêu cầu đối với nội dung thi:

Nội dung thi nằm trong chương trình THCS, chủ yếu là chương trình lớp 9. Đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2006. Kể từ năm học 2025-2026 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đảm bảo đề thi đáp ứng với thí sinh thuộc đối tượng được vào học lớp 10 cao hơn độ tuổi quy định.

b) Khu vực ra đề thi, in sao đề thi và các yêu cầu bảo mật:

- Đề thi, đáp án chưa công khai thuộc tài liệu cần phải đảm bảo tính bảo mật. Đề thi dự bị chưa sử dụng tự giải mật sau khi kết thúc công tác coi thi của kỳ thi.

- Việc ra đề thi, in sao đề thi (gọi chung là làm đề thi) được thực hiện tại một địa điểm an toàn, biệt lập và được lực lượng công an kiểm tra về an ninh, an toàn, bảo vệ nghiêm ngặt suốt thời gian làm đề thi cho đến hết thời gian thi môn cuối cùng của kỳ thi, có đầy đủ phương tiện bảo mật, phòng ngừa lộ lọt thông tin, phòng cháy, chữa cháy.

c) Nhân sự tham gia công tác làm đề thi:

- Là công chức của Sở GDĐT, giáo viên của các trường trung học trên địa bàn tỉnh có năng lực chuyên môn tốt và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

- Giám đốc Sở GDĐT quyết định thành lập Ban/Hội đồng ra đề thi.

- Các thành viên tham gia làm đề thi được cách ly triệt để với bên ngoài.

9. Công tác coi thi

a) Giám đốc Sở GDĐT căn cứ số lượng thí sinh ĐKDT của mỗi trường THPT và điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ để quyết định thành lập các Điểm thi đặt tại trường THPT đó. Trong trường hợp trường THPT không đủ điều kiện tổ chức thi hoặc không bố trí đủ số lượng phòng thi thì bổ sung các Điểm thi đặt tại trường THCS và các cơ sở giáo dục khác trên cùng địa bàn đáp ứng được các yêu cầu tổ chức thi.

b) Thí sinh dự thi tại Điểm thi đặt tại trường thí sinh ĐKDT (ưu tiên) hoặc tại trường THCS, cơ sở giáo dục khác trên cùng địa bàn cấp huyện.

c) Những người làm công tác coi thi tại Điểm thi là cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường THPT, các cơ sở giáo dục khác trực thuộc Sở GDĐT, các trường THCS (nếu cần thiết) theo quyết định điều động của Giám đốc Sở GDĐT.

10. Công tác làm phách bài thi, chấm thi, phúc khảo bài thi

Vận dụng Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành của Bộ GDĐT, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và mục tiêu của kỳ thi tuyển sinh.

11. Điểm xét tuyển và nguyên tắc xét trúng tuyển

a) Điểm xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = \begin{array}{l} \text{Tổng điểm thi} \\ \text{của 03 bài thi} \\ \text{môn Ngữ văn,} \\ \text{Toán, Tiếng Anh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng điểm kết quả} \\ \text{rèn luyện (hạnh} \\ \text{kiểm), học tập (học} \\ \text{lực) trong 4 năm} \\ \text{học ở THCS} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm} \\ \text{ưu tiên} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Sở GDĐT tham mưu quy định cụ thể điểm kết quả rèn luyện (hạnh kiểm), học tập (học lực) trong 4 năm học ở THCS của học sinh trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Nguyên tắc xét trúng tuyển:

- Xét trúng tuyển theo từng trường THPT.
- Chỉ xét trúng tuyển đối với thí sinh dự thi đủ 03 bài thi theo quy định và không có bài thi nào bị điểm 0 (không).
- Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu (chỉ tiêu bao gồm cả số học sinh thuộc diện tuyển thẳng).
- Khi xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có 02 thí sinh trở lên có điểm xét tuyển bằng nhau thì xét chọn trúng tuyển theo các tiêu chí ưu tiên. Sở Giáo dục và Đào tạo quy định các tiêu chí ưu tiên (chú trọng đến tiêu chí kết quả xếp giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THCS và kết quả học tập các năm học ở cấp THCS của thí sinh) trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

12. Tuyển sinh bổ sung

- a) Trường được tuyển sinh bổ sung: Các trường còn thiếu chỉ tiêu so với chỉ tiêu được giao sau khi đã hoàn thành xét tuyển NV1, NV2.
- b) Đối tượng tuyển sinh bổ sung: Học sinh đã thi đủ các bài thi theo quy định, không có bài thi nào bị điểm 0 (không); không trúng tuyển NV1, NV2.
- c) Đăng ký tuyển sinh bổ sung: Học sinh nộp đơn đăng ký tuyển sinh bổ sung vào bất kỳ trường nào trên địa bàn tỉnh còn chỉ tiêu tuyển sinh.
- d) Nguyên tắc xét trúng tuyển bổ sung: Thực hiện theo điểm b, khoản 11, mục III Phụ lục này.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Phương án tổ chức thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên biệt được triển khai thực hiện kể từ kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**1. Nguồn kinh phí**

UBND tỉnh bố trí ngân sách hằng năm để tổ chức thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên biệt, cùng đợt thi tuyển sinh vào lớp 10 Trường PTDTNT tỉnh và THPT chuyên trong nguồn kinh phí chi cho sự nghiệp giáo dục.

2. Dự trù kinh phí

Dự kiến kinh phí tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập (gồm cả trường không chuyên biệt, trường THPT chuyên và Trường PTDTNT THPT tỉnh) trong năm học 2024-2025 với khoảng 25.000 thí sinh là học sinh học lớp 9 năm học 2023-2024, được tổ chức tại 65 Điểm thi như sau:

TT	Nội dung chi	Dự toán (ĐVT: ngàn đồng)
1	Dự toán chi phụ cấp trách nhiệm Ban chỉ đạo, Hội đồng thi và Ban thư ký	458.250
2	Dự toán chi Ban Đề thi, Ban sao in, Ban vận chuyển và Ban coi thi (quản lý chung)	904.160

TT	Nội dung chi	Dự toán (ĐVT: ngàn đồng)
3	Dự toán chi tại các điểm thi (65 Điểm thi)	3.383.336
4	Dự toán Ban làm phách, Ban chấm thi	977.900
5	Dự toán phúc khảo	149.630
6	Hội nghị triển khai, tập huấn về công tác các kỳ thi	48.000
7	Dự toán mua sắm văn phòng phẩm cho kỳ thi	245.105
8	Dự toán mua sắm, in hồ sơ biểu mẫu cho kỳ thi	555.216
9	Dự toán công bố điểm thi trên trang Web	31.500
10	Dự toán thuê xe phục vụ kỳ thi	136.800
11	Dự toán hỗ trợ Công an tham gia bảo vệ kỳ thi	250.000
TỔNG CỘNG		7.139.897

VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Ưu điểm, tác động tích cực

a) Tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập bằng phương thức thi tuyển kết hợp với đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh trong 4 năm học ở THCS sẽ giải quyết được những hạn chế, bất cập được nêu tại mục II ở trên.

b) Phương thức thi tuyển kết hợp với đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh trong 4 năm học ở THCS phù hợp với quan điểm đánh giá quá trình kết hợp với đánh giá đầu cuối. Phương thức này vừa duy trì những ưu điểm của việc xét tuyển kết quả học tập trước đây đồng thời đảm bảo được sự khách quan, công bằng và tạo động lực học tập cho học sinh. Các bài thi sẽ đánh giá thực tế năng lực học sinh và lựa chọn được những học sinh phù hợp, có năng lực học tập tốt hơn để tiếp tục học chương trình THPT.

c) Kết quả học tập ở cấp THCS được tính vào điểm xét trúng tuyển vào lớp 10 sẽ tiếp tục tạo động lực cho học sinh học đều các môn học (hạn chế việc học lệch, chỉ học các môn thi), khuyến khích học sinh luôn nỗ lực trong suốt quá trình học tập; đồng thời phát huy, tôn trọng kết quả đánh giá của tất cả giáo viên các môn học đối với học sinh trong suốt quá trình học THCS. Điểm đánh giá kết quả rèn luyện và học tập ở cấp THCS sẽ hạn chế vai trò quyết định của điểm các bài thi, phòng trường hợp học sinh gặp rủi ro trong khi làm bài thi ở kỳ thi tuyển.

d) Kết quả điểm các bài thi là cơ sở để các trường THCS tự nâng cao chất lượng dạy học, giáo viên điều chỉnh công tác dạy học phù hợp hơn, nhà trường điều chỉnh công tác quản lý hiệu quả hơn và đảm bảo được chất lượng của học sinh tốt nghiệp THCS.

đ) Giúp cho việc đánh giá chất lượng dạy học ở các trường THCS được tin cậy hơn, qua đó, đưa ra những giải pháp để nâng cao chất lượng dạy học ở các trường THCS có tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 thấp; hạn chế và ngăn ngừa các tiêu cực trong dạy học.

e) Học sinh có nhiều cơ hội hơn để trúng tuyển vào lớp 10 trường THPT phù hợp, đặc biệt là những học sinh có năng lực học tập tốt.

g) Các trường THPT xác định đúng chất lượng đầu vào để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp và xác định đúng chuẩn đầu ra. Khả năng tổ chức dạy học của các trường được đảm bảo; hạn chế thấp nhất tình trạng thừa thiếu cục bộ về giáo viên, phòng học; tránh gây lãng phí các nguồn lực của nhà trường.

h) Giảm áp lực trong công tác phân tuyến cho các địa phương, tránh tình trạng cha mẹ học sinh xin chuyển nơi cư trú với mục đích chuyển đến nơi có trường THPT có khả năng trúng tuyển cao hơn.

2. Những vấn đề cần quan tâm

a) Số thí sinh đăng ký dự thi tuyển vào lớp 10 THPT công lập sẽ nhiều hơn số thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT. Vì vậy, quy mô kỳ thi tuyển vào lớp 10 THPT công lập sẽ lớn hơn Kỳ thi tốt nghiệp THPT, cần phải huy động nguồn lực lớn.

b) Việc chuyển từ phương thức xét tuyển được tổ chức trong 11 năm qua (từ năm học 2012-2013 đến năm học 2023-2024) sang phương thức thi tuyển kết hợp với đánh giá kết quả rèn luyện và học tập ở cấp THCS của học sinh là sự thay đổi lớn nên cần có sự tuyên truyền, giải thích để thống nhất về nhận thức và hành động trong ngành giáo dục và toàn xã hội.

c) Hiện nay, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh còn hạn chế, đặc biệt là các địa phương ở vùng miền núi. Vì vậy, công tác phân luồng học sinh không trúng tuyển lớp 10 THPT vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn.

d) Kể từ năm học 2025-2026, các cấp học phổ thông đã triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đầy đủ ở các lớp học. Vì vậy, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập kể từ năm học 2025-2026 phải đáp ứng được Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; các địa phương trong toàn tỉnh phải chuẩn bị và triển khai hiệu quả, đồng bộ, hệ thống các điều kiện thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện theo sự tiến bộ của người học, đảm bảo điều kiện đề thi khách quan, công bằng./.

Phụ lục

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH LỚP 10
ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024 SO VỚI KẾT QUẢ ĐIỂM NĂM LỚP 9**

1. Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ:

Kết quả điểm	Tỷ lệ % điểm môn Toán		Tỷ lệ % điểm môn Ngữ văn		Tỷ lệ % điểm môn Tiếng Anh	
	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát
Điểm ≥ 8	42,82	4,58	40,28	2,4	37,27	3,18
$6,5 \leq \text{Điểm} < 8$	44,44	17,11	51,39	10,82	46,76	3,18
$5 \leq \text{Điểm} < 6,5$	12,5	10,12	8,33	17,55	15,28	5,13
$0 < \text{Điểm} < 5$	0,23	67,23	0	68,51	0,69	88,26
Điểm 0	0	0,96	0	0,72	0	0,24

2. Trường THPT Sào Nam:

Kết quả điểm	Tỷ lệ % điểm môn Toán		Tỷ lệ % điểm môn Ngữ văn		Tỷ lệ % điểm môn Tiếng Anh	
	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát
Điểm ≥ 8	47,72	1,67	62,47	4,47	50,94	11,7
$6,5 \leq \text{Điểm} < 8$	40,48	12,81	33,78	12,85	43,43	16,99
$5 \leq \text{Điểm} < 6,5$	11,26	20,06	3,49	23,74	5,63	20,89
$0 < \text{Điểm} < 5$	0,54	65,46	0,27	58,38	0	50,42
Điểm 0	0	0	0	0,56	0	0

3. Trường THPT Lương Thế Vinh:

Kết quả điểm	Tỷ lệ % điểm môn Toán		Tỷ lệ % điểm môn Ngữ văn		Tỷ lệ % điểm môn Tiếng Anh	
	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát
Điểm ≥ 8	25,41	7,73	19,71	0,95	27,52	1,91
$6,5 \leq \text{Điểm} < 8$	30,62	10,14	49,35	9,79	37,95	5,01
$5 \leq \text{Điểm} < 6,5$	41,86	18,36	28,5	17,18	33,55	8,35
$0 < \text{Điểm} < 5$	2,12	58,21	2,44	70,17	0,98	84,01
Điểm 0	0	5,56	0	1,91	0	0,72

4. Trường THPT Nam Trà My:

Kết quả điểm	Tỷ lệ % điểm môn Toán		Tỷ lệ % điểm môn Ngữ văn		Tỷ lệ % điểm môn Tiếng Anh	
	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát
Điểm ≥ 8	1,82	0	2,34	0	2,86	0,27
$6,5 \leq \text{Điểm} < 8$	24,48	0	30,21	0,81	26,56	0
$5 \leq \text{Điểm} < 6,5$	71,88	0	65,89	2,7	66,41	2,42
$0 < \text{Điểm} < 5$	1,82	7,85	1,56	80,54	4,17	97,31
Điểm 0	0	92,15	0	15,95	0	0

5. Trường THPT Nguyễn Khuyến:

Kết quả điểm	Tỷ lệ % điểm môn Toán		Tỷ lệ % điểm môn Ngữ văn		Tỷ lệ % điểm môn Tiếng Anh	
	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát
Điểm ≥ 8	31,13	0,83	29,69	0,83	40,0	5,19
$6,5 \leq \text{Điểm} < 8$	38,14	3,94	54,43	9,77	42,68	11,62
$5 \leq \text{Điểm} < 6,5$	30,1	10,79	15,88	24,32	16,91	17,84
$0 < \text{Điểm} < 5$	0,62	75,73	0	65,07	0,41	65,35
Điểm 0	0	8,71	0	0	0	0

6. Trường THPT Quang Trung:

Kết quả điểm	Tỷ lệ % điểm môn Toán		Tỷ lệ % điểm môn Ngữ văn		Tỷ lệ % điểm môn Tiếng Anh	
	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát	Lớp 9	Khảo sát
Điểm ≥ 8	1,19	0,59	4,17	0	2,98	0
$6,5 \leq \text{Điểm} < 8$	23,21	1,78	38,1	1,78	22,62	0,59
$5 \leq \text{Điểm} < 6,5$	70,24	4,14	55,36	6,51	70,83	3,55
$0 < \text{Điểm} < 5$	5,36	47,93	2,38	86,98	3,57	92,31
Điểm 0	0	45,56	0	4,73	0	3,55